

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2025/HSST

Ngày 13- 5 -2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Lành

2. Bà Lê Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2025, đối với bị cáo:

Từ Bửu T, sinh năm 1984 tại Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT: Ấp Đ, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở trước khi bị bắt: Số F đường L, Tổ E, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Thợ cửa sắt. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Từ Bửu C và bà Huỳnh Thị L; Bị cáo chưa có vợ, con, bị cáo có 04 anh, em ruột (lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1997). Bị cáo là con thứ hai. Tiền án: Không. Tiền sự: 01 tiền sự (Ngày 01/11/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Pơ ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở tư vấn cai nghiện ma túy tỉnh Gia Lai, thời hạn 24 tháng. Ngày 30/6/2024, chấp hành xong). Về nhân thân: Tại bản án số 42/2019/HS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã A, xét xử tuyên phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngày 20/03/2021, chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong các hình phạt khác của bản án (lần kết án này đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/10/2024 đến ngày 04/11/2024, sau đó, bị áp dụng biện pháp tạm giam cho

đền nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1998. Địa chỉ: 2 P, tổ G, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Vũ Đình H1, sinh năm 1996. Địa chỉ: 6 L, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Trịnh Văn B, sinh năm 1995. Địa chỉ: 6 L, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Võ Minh M, sinh năm 2002. Địa chỉ: 6 L, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1972. Địa chỉ: 1 L, tổ A, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

** Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Hải L1, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ E, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ Bửu T là người sử dụng ma túy từ khoảng thời gian tháng 5/2019, đã từng bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và đã đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Thông qua các mối quan hệ xã hội, T có được số điện thoại của đối tượng tên là Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) là người có bán chất ma túy. Vào khoảng 15 giờ ngày 25/10/2024, T gọi điện thoại cho Đ hỏi mua ma túy, Đ đồng ý và hẹn gặp nhau tại đầu hẻm A đường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau đó, T đi bộ từ phòng trọ đến điểm hẹn gặp và mua của Đ 01 gói ma túy và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 chai nhựa có dán nhãn chữ “Number 1”, nắp chai màu đỏ có gắn 01 ống hút nhựa màu xanh và 01 ống thủy tinh được uốn cong, một đầu phình to) với giá 2.500.000 đồng, rồi mang về cất giấu trong hộc tủ tại phòng trọ số A, dãy nhà trọ hẻm F đường L, Tổ E, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, với mục đích để sử dụng. Đến khoảng 11 giờ ngày 27/10/2024, T ở một mình nên lấy một ít ma túy ra bỏ vào dụng cụ rồi sử dụng. Đến khoảng 11 giờ 10 phút cùng ngày, khi T đang sử dụng ma túy thì Võ Minh M, Trịnh Văn B và Vũ Đình H1 cùng đi về phòng trọ; thấy T đang sử dụng ma túy thì H1, M, B tự ngồi xuống sử dụng ma túy cùng T và T không có bất cứ lời nói, hành động nào ngăn cản. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi T cùng M, B và H1 đang sử dụng ma túy tại phòng trọ thì bị lực lượng Cảnh sát

điều tra về tội phạm về Ma túy - Công an tỉnh G phối hợp với lực lượng Cảnh sát điều tra về tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P, phát hiện bắt quả tang; thu giữ trên nền nhà tại vị trí ngồi của các đối tượng, gồm: 01 chai nhựa nhãn dán ghi chữ “Number 1”, nắp chai màu đỏ gắn 01 ống thủy tinh uốn cong, một đầu phình to bám dính chất màu nâu trắng và 01 ống hút nhựa màu xanh (đã tiến hành niêm phong theo quy định); 01 bật lửa màu trắng; 01 bật lửa màu vàng; thu giữ trong hộp bàn uống nước trong phòng 01 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể (đã tiến hành niêm phong theo quy định), T khai nhận là ma túy của T cất giấu với mục đích để sử dụng. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của Từ Bửu T, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 8984 04800 00650 73703) và số tiền 7.200.000 đồng (tiền Ngân hàng N) (bút lục số: 21-23; 34-35; 49-61; 63-64; 66-70; 72-76; 80-84).

Qua xét nghiệm, xác định: Từ B, Võ Minh M, Vũ Đình H1, Trịnh Văn B đều dương tính với ma túy Methamphetamine (bút lục số: 30; 65; 71; 79).

Qua giám định, tại bản Kết luận giám định số 988/KL-KTHS ngày 05/11/2024, của phòng K Công an tỉnh G, kết luận: “Chất rắn màu nâu, trắng, bám dính trong ống thủy tinh (uốn cong, một đầu phình to) được niêm phong trong hộp giấy (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) là ma túy, loại Methamphetamine, không cân được khối lượng chất bám dính do lượng mẫu ít. Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 (một) gói nilon được niêm phong trong bì công văn (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 2,5577 gam” (bút lục số: 26-29).

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO kèm sim số đã thu giữ là của bị can T và bị can đã sử dụng liên lạc để mua ma túy. Đối với 01 chai nhựa nhãn dán ghi chữ “Number 1”, nắp chai màu đỏ gắn 01 ống thủy tinh uốn cong, một đầu phình to bám dính chất màu nâu trắng và 01 ống hút nhựa màu xanh; 01 bật lửa màu trắng và 01 bật lửa màu vàng là các công cụ mà bị can đã dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với số tiền 7.200.000 đồng là của bị can T, không liên quan đến hành vi phạm tội (bút lục số: 60-61).

Vật chứng của vụ án, gồm:

+ Chất ma túy còn lại sau giám định cùng 01 chai nhựa nhãn dán ghi chữ “Number 1”, nắp chai màu đỏ gắn 01 ống thủy tinh uốn cong, một đầu phình to bám dính chất màu nâu trắng và 01 ống hút nhựa màu xanh trong 02 bì công văn đều ghi số 988/PC09 ngày 05/11/2024 có dấu niêm phong của phòng K - Công an tỉnh G.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo kèm sim số (mặt sau sim có dãy số 8984 04800 00650 73703).

+ 01 bật lửa màu trắng .

+ 01 bật lửa màu vàng.

+ 7.200.000 đồng (tiền Ngân hàng N).

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku ra Quyết định đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chuyển toàn bộ vật chứng nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku để quản lý, chờ xử lý theo quy định.

Tại Bản cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 28-02-2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Từ Bửu T về các tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Từ Bửu T về các tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Từ Bửu T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Từ Bửu T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Từ Bửu T phải chấp hành chung là từ 12 đến 13 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tịch thu tiêu hủy 02 bì công văn dán kín đều ghi số 988/PC09 ngày 05/11/2024 có dấu niêm phong của Phòng K Công an tỉnh G và 01 bật lửa màu trắng và 01 bật lửa màu vàng (đã qua sử dụng); tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim số, trả lại cho bị cáo số tiền 7.200.000 đồng, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Từ Bửu T khai nhận về hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi đúng như nội dung mà bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định vào khoảng 11 giờ ngày 27/10/2024 tại phòng trọ số A, hẻm F đường L, Tổ E, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Từ B có hành vi cung cấp ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy cho Võ Minh M, Trịnh Văn B và Vũ Đình H1 sử dụng và có hành vi tàng trữ 2,5577 gam ma túy, loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo Từ Bửu T đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng “đối với 02 người trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố bị cáo về các tội này là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy rằng: Bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng lao động, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc tàng trữ, cung cấp ma túy, công cụ cho người khác sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng vì nghiện ma túy muốn thỏa mãn nhu cầu bản thân, nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, phạm tội rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy mà còn làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và là gánh nặng cho gia đình và xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử lý nghiêm bằng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật, cai nghiện để thành công dân có ích cho xã hội, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và có 01 tiền sự ngày 01/11/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, bị cáo không lấy đó là bài học kinh nghiệm để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, phần

đầu cải tạo tốt mà thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy, do đó cần xử nghiêm đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Qua xem xét tình hình tài sản của bị cáo không có tài sản gì đảm bảo cho việc thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định là chất cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chai nhựa nhãn dán ghi chữ “Number 1”, nắp chai màu đỏ gắn 01 ống thủy tinh uốn cong, một đầu phình to bám dính chất màu nâu trắng và 01 ống hút nhựa màu xanh và 02 bật lửa là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim số bị cáo đã sử dụng để liên lạc mua ma túy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 7.200.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho bị cáo.

[8] Đối với đối tượng Đ mà bị cáo khai là người đã bán ma túy. Do bị cáo không biết nhân thân, lai lịch của đối tượng này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành xác minh tại khu vực hẻm A đường L, phường P thành phố P, tỉnh Gia Lai nhưng chưa xác định được đối tượng Đ có liên quan đến hoạt động về ma túy; đồng thời, Cơ quan điều tra đã tiến hành mở danh bạ, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn trong chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo nhưng không xác định được số điện thoại và thông tin của đối tượng này nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau là có căn cứ.

[9] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 27/10/2024 của Võ Minh M, Trịnh Văn B, Vũ Đình H1. Vào ngày 13/11/2024, Công an phường P đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (phạt mỗi người 1.500.000 đồng) là có căn cứ.

[10] Đối với bà Nguyễn Thị P là chủ phòng trọ và anh Nguyễn Thành H là người đã thuê phòng trọ để Từ Bửu T ở cùng Võ Minh M, Trịnh Văn B và Vũ Đình H1. Tuy nhiên, việc bị cáo cất giấu ma túy và tổ chức cho M, B và H1 sử dụng tại phòng trọ thì bà Phước và anh H đều không biết nên không có đủ căn cứ để xử lý là có căn cứ.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Từ Bửu Tân P1 các tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Từ Bửu T 08 (tám) năm tù về “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và 03 (ba) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Từ Bửu T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 27/10/2024.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu và tiêu hủy: 02 bì công văn dán kín đều ghi số 988/PC09 ngày 05/11/2024 có dấu niêm phong của Phòng K Công an tỉnh G và 01 bật lửa màu trắng và 01 bật lửa màu vàng (đều đã qua sử dụng).

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim số (đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo Từ Bửu T 7.200.000 đồng tiền Ngân hàng N.

(Đặc điểm các vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 74/2025 ngày 04/03/2025 giữa Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Từ Bửu T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. P;
- Công an Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Thu